

Tên cơ quan cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng
Yên

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học Nguyễn Bình

Người lập

(Ký, họ tên)



Vũ Thị Thu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

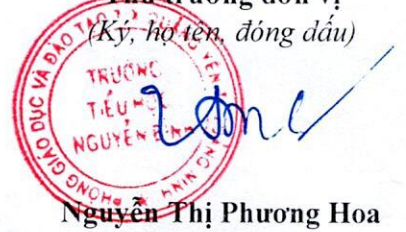


Vũ Thị Thu

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Phương Hoa

Tên cơ quan cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng

Yên

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học Nguyễn Bình

Mẫu B03b/BCTC

(Ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Chương: 622

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG CHÍNH				
	Thặng dư/thâm hụt trong năm	01		150.582.704	
	Điều chỉnh cho các khoản không phát sinh bằng tiền				
1	Khấu hao TSCĐ trong năm	02			
2	Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá	03			
3	Lãi/lỗ từ các khoản đầu tư	04			
4	Tăng/giảm các khoản nợ phải trả	05		233.230.340	
5	Tăng/giảm hàng tồn kho	06			
6	Tăng/giảm các khoản phải thu	07			
7	Thu khác từ hoạt động chính	08			
8	Chi khác từ hoạt động chính	09		(382.666.534)	
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động chính	10		1.146.510	
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	21			
2	Tiền thu từ các khoản đầu tư	22			
3	Tiền chi XD CB, mua tài sản cố định	23			
4	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	24			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1	Tiền thu từ các khoản đi vay	31			
2	Tiền nhận vốn góp	32			
3	Tiền hoàn trả gốc vay	33			
4	Tiền hoàn trả vốn góp	34			
5	Cổ tức/lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.146.510	
V	Số dư tiền đầu kỳ	60		11.261.798	
VI	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	70			
VII	Số dư tiền cuối kỳ	80		12.408.308	

Tên cơ quan cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng
Yên

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học Nguyễn Bình

Người lập

(Ký, họ tên)

Vũ Thị Thu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Vũ Thị Thu

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Phương Hoa

Tên cơ quan cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học Nguyễn Bình

Mẫu B03a/BCTC

(Ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2023

Chương: 622

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG CHÍNH				
1	Các khoản thu	01		3.299.608.914	
1.1	Tiền Ngân sách nhà nước cấp	02		2.363.280.466	
1.2	Tiền thu từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03			
1.3	Tiền thu từ nguồn phí, lệ phí	04			
1.4	Tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	05		370.317.500	
1.5	Tiền thu khác	06		566.010.948	
2	Các khoản chi	10		(3.298.462.404)	
2.1	Tiền chi lương, tiền công và chi khác cho nhân viên	11		(2.276.100.466)	
2.2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	12		(450.352.900)	
2.3	Tiền chi khác	13		(572.009.038)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính	20		1.146.510	
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	21			
2	Tiền thu từ các khoản đầu tư	22			
3	Tiền chi XDCB, mua tài sản cố định	23			
4	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	24			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1	Tiền thu từ các khoản đi vay	31			
2	Tiền thu từ vốn góp	32			
3	Tiền hoàn trả gốc vay	33			
4	Tiền hoàn trả vốn góp	34			
5	Cổ tức/lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.146.510	
V	Số dư tiền đầu kỳ	60		11.261.798	
VI	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	70			
VII	Số dư tiền cuối kỳ	80		12.408.308	

Tên cơ quan cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng

Yên

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học Nguyễn Bình

Mẫu B02/BCTC

(Ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2023

Chương: 622

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp				
1	Doanh thu (01=02+03+04)	01		6.926.888.926	
	a. Từ NSNN cấp	02		6.926.888.926	
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03			
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	04			
2	Chi phí (05=06+07+08)	05		6.775.540.422	
	a. Chi phí hoạt động	06		6.775.540.422	
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	07			
	c. Chi phí hoạt động thu phí	08			
3	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	09		151.348.504	
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ				
1	Doanh thu	10		369.813.500	
2	Chi phí	11		363.172.900	
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12		6.640.600	
III	Hoạt động tài chính				
1	Doanh thu	20			
2	Chi phí	21			
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22			
IV	Hoạt động khác				
1	Thu nhập khác	30			
2	Chi phí khác	31			
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32			
V	Chi phí thuế TNDN	40		7.406.400	
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50		150.582.704	
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51		151.348.504	✓
2	Phân phối cho các quỹ	52			
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập
(Ký, họ tên)

Vũ Thị Thu

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Vũ Thị Thu

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Phương Hoa

Tên cơ quan cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học Nguyễn Bình

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập
(Ký, họ tên)

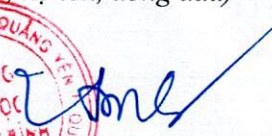
Vũ Thị Thu

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Vũ Thị Thu

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)




Nguyễn Thị Phương Hoa

Tên cơ quan cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học Nguyễn Bình

Mẫu B01/BCTC

(Ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chương: 622

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	D	1	2
	TÀI SẢN				
I	Tiền	01		12.408.308	11.261.798
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	05			
III	Các khoản phải thu	10			
1	Phải thu khách hàng	11			
2	Trả trước cho người bán	12			
3	Phải thu nội bộ	13			
4	Các khoản phải thu khác	14			
IV	Hàng tồn kho	20			
V	Đầu tư tài chính dài hạn	25			
VI	Tài sản cố định	30		21.352.287.110	22.387.118.171
1	Tài sản cố định hữu hình	31		3.846.083.910	4.932.398.171
	- Nguyên giá	32		13.814.424.465	15.425.975.700
	- Khấu hao và hao mòn lũy kế	33		(9.968.340.555)	(10.493.577.529)
2	Tài sản cố định vô hình	35		17.506.203.200	17.454.720.000
	- Nguyên giá	36		17.516.368.000	17.454.720.000
	- Khấu hao và hao mòn lũy kế	37		(10.164.800)	
VII	Xây dựng cơ bản dở dang	40			
VIII	Tài sản khác	45			
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (50=01+05+10+20+25+30+40+45)	50		21.364.695.418	22.398.379.969
	NGUỒN VỐN				
I	Nợ phải trả	60		21.364.695.418	22.397.614.169
1	Phải trả nhà cung cấp	61			
2	Các khoản nhận trước của khách hàng	62			
3	Phải trả nội bộ	63			
4	Phải trả nợ vay	64			
5	Tạm thu	65			
6	Các quỹ đặc thù	66			
7	Các khoản nhận trước chưa ghi thu	67		21.352.287.110	22.387.118.171
8	Nợ phải trả khác	68		12.408.308	10.495.998
II	Tài sản thuần	70			765.800
1	Nguồn vốn kinh doanh	71			
2	Thặng dư / thâm hụt lũy kế	72			765.800
3	Các quỹ	73			
4	Tài sản thuần khác	74			
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (80=60+70)	80		21.364.695.418	22.398.379.969